TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 654/2025/DS-PT
Ngày: 25/12/2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng đặt cọc và yêu cầu bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu
Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca
Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 439/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng đặt cọc và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/ DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 595/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp C, phường M, tỉnh Đồng Tháp: có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1970. Địa chỉ: ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long: có mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1992. Địa chỉ: số A B, khu phố C, phường K, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/12/2025): có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã C, tỉnh Vĩnh Long: vắng mặt

3.1. Bà Huỳnh Thị Thùy D, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long: vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1970, ngụ cùng địa chỉ, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 04/11/2024): có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tháng 6 năm 2024, ông D có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông T phần đất diện tích khoảng 500m^2, thuộc thửa 229, tờ bản đồ 08 trong diện tích chung 1.853,1m^2 đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) do ông Nguyễn Thanh D đứng tên quyền sử dụng đất với giá 485.000.000đồng, chưa làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 28/06/2024 ông D nhận số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng, làm giấy biên nhận, nếu vi phạm thì phạt cọc số tiền gấp đôi là 200.000.000 đồng. Thỏa thuận trong 10 ngày ông D làm thủ tục tách thửa sang tên phần đất diện tích 500m^2, thửa 229 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên quyền sử dụng đất, ông T sẽ trả đủ số tiền chuyển nhượng đất còn lại cho ông D.

Ông T tiến hành đầu tư vào phần đất 500m^2, thửa 229 các chi phí bao gồm: tiền cưa đốn dừa 500.000 đồng; tiền thuê sán cạp móc đất đắp nền nhà 1.500.000 đồng; tiền thuê đắp đất nền nhà là 4.800.000 đồng; tiền hùn địa phương làm lộ công cộng là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 7.800.000 đồng.

Ông T đã cải tạo đất mục đích để cất nhà sinh sống, ông D có hẹn ông T đến phần đất thửa 229 để đo đạc tách thửa nhưng khi đến đất thì không thấy cơ quan chuyên môn xuống đo đạc, đến nay ông D vẫn không đưa bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục tách thửa sang tên theo như thỏa thuận, do thời gian kéo dài nên các bên phát sinh tranh chấp, hiện phần đất tranh chấp do ông D đang quản lý, sử dụng.

Nay ông Nguyễn Văn T đồng ý vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 229, diện tích 500m^2, tờ bản đồ số 08, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Thanh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Yêu cầu ông Nguyễn Thanh D trả lại số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng và phạt cọc số tiền là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng và yêu cầu ông D hoàn trả tiền thuê sán cạp móc đất là 1.500.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Thanh D thì ông Nguyễn Văn T không đồng ý.

Theo đơn khởi kiện phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông là Nguyễn Thanh D trình bày:

Tháng 06 năm 2024, ông D có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T phần đất diện tích khoảng 500m^2, thửa 229, tờ bản đồ 08, nằm trong diện tích chung 1.853,1m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

(nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) do Nguyễn Thanh D đứng tên quyền sử dụng đất, chưa làm hợp đồng chuyển nhượng đất. Giá chuyển nhượng 650.000.000đồng, ông D có nhận số tiền đặt cọc là 100.000.000đồng, có làm biên nhận.

Do ông T có nhu cầu san lấp mặt bằng để cất nhà sinh sống nên ông D đồng ý để ông T cưa đốn dừa và bưởi, dọn mặt bằng và thuê sán cạp để móc đất dưới sông để đắp nền nhà trên phần diện tích đất đã chuyển nhượng là 500m^2. Theo thỏa thuận đến ngày 26/8/2024 ông T trả đủ số tiền còn lại là 550.000.000đồng, ông D sẽ làm thủ tục tách thửa sang tên cho ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Ngày 05/08/2024 ông D liên hệ chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V để đo đạc phần đất 500m^2, thửa 229 cho ông T nhưng ông T không đến nên không thực hiện được.

Nay ông D không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng phần đất thửa 229, diện tích 500m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho ông T và đồng ý vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.

Ông D có yêu cầu khởi kiện phản tố yêu cầu ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại gồm:

- Phần đất sạt lỡ xuống sông R tương đương số tiền 40.950.000 đồng.

- Dừa bị cắt 17 cây x 240 cái/01 tháng (giá thời điểm cắt cây 70.000đ/01 chục là 12 trái), tương đương 240 trái = 20 chục dừa x 70.000đ = 1.400.000đồng/tháng. Tính 01 năm = 12 tháng x 1.400.000đ = 16.800.000đ, tính thiệt hại 04 năm là 67.200.000 đồng.

- Bưởi bị cắt 07 cây, thiệt hại mỗi cây 03 trái/tháng, tương đương 21 trái/ 01 tháng (mỗi trái bình quân 01kg, tương đương 21 kg, giá bán bình quân 25.000đ/kg). Tính thiệt hại 24 tháng x 21 kg/01 tháng = 504kg x 25.000đ/01 kg = 12.600.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 120.750.000 đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị T trình bày: Thống nhất theo ý kiến trình bày của ông T, không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Thùy D do ông Nguyễn Thanh D đại diện trình bày: Thống nhất theo ý kiến trình bày của ông D, không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

1.1. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thanh D đối với phần đất thửa 229, diện tích 500m^2, tờ bản đồ số 08, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh

Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) do ông Nguyễn Thanh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Buộc ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền đặt cọc là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) và số tiền phạt cọc là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng). Tổng cộng là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh D trả số tiền là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Thanh D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại số tiền 120.750.000 đồng (một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh D trả tiền cưa đốn dừa; tiền thuê đắp đất nền nhà; tiền hùn địa phương làm lộ công cộng, tổng cộng là 6.300.000đồng (sáu triệu ba trăm ngàn đồng) và yêu cầu trả lại 01 chiếc xe rùa trị giá 450.000đồng (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) và 01 giá đào đất trị giá 70.000đồng (bảy mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 và ngày 15 tháng 8 năm 2025 bị đơn Nguyễn Thanh D kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông D trả cho ông T số tiền cọc là 100.000.000 đồng, tiền phạt cọc 100.000.000 đồng; yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại cho ông D số tiền 120.750.000 đồng; yêu cầu ông T trả lại số tiền 3.500.000 đồng tiền thuê người san lấp đất nền nhà do ông T đổ đất rồi bỏ; yêu cầu ông T trả lại 3.000.000 đồng tiền án phí; ông không đồng ý trả tiền án phí và các khoản chi phí tố tụng khác như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày: Rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu phạt cọc số tiền 100.000.000 đồng và việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh D trả số tiền là 1.500.000đồng, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thanh D trả lại số tiền 100.000.000 đồng tiền cọc đã nhận.

Bị đơn trình bày: Rút yêu cầu phản tố của về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại số tiền 120.750.000 đồng và rút toàn bộ kháng cáo. Ông D đồng ý trả lại cho ông T số tiền 100.000.000 đồng tiền cọc đã nhận.

Các đương sự đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút yêu cầu phản tố và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể như sau:

- Vô hiệu hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thanh D đối với thửa 229, diện tích 500m^2, tờ bản đồ số 08, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện

V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) do ông Nguyễn Thanh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Thanh D tự nguyện chịu toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 289, Điều 300, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử và hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với nội dung do nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn rút yêu cầu phản tố.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu về án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng về phía nguyên đơn, bị đơn và có ủy quyền tham gia tố tụng hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Người vắng mặt không có kháng cáo, không liên quan nội dung kháng cáo nên Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện được bị đơn chấp nhận. Đồng thời, bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo được nguyên đơn chấp nhận nên đình chỉ xét xử, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố đã rút.

[2] Về nội dung:

Thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án với nội dung: Vô hiệu hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thanh D. Ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ trả

lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền cọc chuyển nhượng đất 100.000.000 đồng đã nhận của ông T là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự theo quy định tại Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về chi phí tố tụng khác và án phí:

[3.1] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá trong giai đoạn sơ thẩm, tổng cộng 2.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh D tự nguyện chịu toàn bộ, trừ vào tiền nộp tạm ứng, ông D đã nộp xong.

[3.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh D đã tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: ông D phải chịu án phí không có giá ngạch đối với hợp đồng bị vô hiệu là 300.000 đồng và án phí có giá ngạch của số tiền theo nghĩa vụ phải trả cho ông T 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng. Tổng cộng, ông D phải chịu 5.300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[3.3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh D tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do ông Nguyễn Văn T đã rút tại cấp sơ thẩm; lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án do không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Vĩnh Long và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nội dung:

"*1.2. Buộc ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền phạt cọc là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng). Tổng cộng là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng).*

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh D trả số tiền là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Thanh D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại số tiền 120.750.000 đồng (một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long.

Áp dụng các điều 122, 328, 584, 585, 589 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; các điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Vô hiệu hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thanh D đối với thửa 229, diện tích 500m^2, tờ bản đồ số 08, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) do ông Nguyễn Thanh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Thanh D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không thỏa thuận thì áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Tổng cộng số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Ông Nguyễn Thanh D đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu toàn bộ nên được khấu trừ, ông D đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh D phải chịu 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.019.000 đồng (ba triệu không trăm mười chín nghìn đồng) theo biên lai số 0009617 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Vĩnh Long). Ông D còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.281.000 đồng (hai triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009314 ngày 28/8/2024 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009531 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Vĩnh Long).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh D số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001828 ngày 12/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 4- Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 4 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV 4 – Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Triệu Hữu